TUẦN 6

Tiếng Việt (Tăng)

Luyện tập: Mở rộng vốn từ về đồ vật

I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Củng cố cho HS về từ ngữ chỉ đồ vật.

- Tìm được các từ ngữ chỉ đồ vật theo các nhóm đồ dùng gia đình; đồ dùng học tập; đồ chơi.

- Nói được 3-4 câu giới thiệu về một đồ vật.

- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

2. Năng lực chung

- Rèn KN quan sát, tìm từ đúng, kĩ năng dùng từ đặt câu phù hợp yêu cầu cần đạt.

3. Phẩm chất

- Giáo dục học sinh yêu thích môn học.

- Có ý thức yêu quý và giữ gìn các đồ vật xung quanh.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bảng phụ ghi nội dung (BT 1,2,3)

- Máy chiếu, tivi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. Khởi động  - GV chiếu bài thơ:  *Đồ đạc trong nhà*  *Em yêu đồ đạc trong nhà*  *Cùng em trò chuyện như là bạn thân.*  *Cái bàn kể chuyện rừng xanh*  *Quạt nan mang đến gió lành trời xa.*  *Đồng hồ giọng nói thiết tha*  *Nhắc em ngày tháng thường là trôi mau.*  *Ngọn đèn sáng giữa trời khuya*  *Như ngôi sao nhỏ gọi về niềm vui.*  *Tủ sách im lặng thế thôi*  *Kể bao chuyện lạ trên đời cho em.*  - Gọi HS đọc bài thơ  - GV tổ chức cho HS trao đổi trước lớp:  + Những đồ vật nào được nhắc đến trong bài thơ ?  + Mỗi đồ vật đó có tác dụng gì?  + Trong đoạn thơ trên, đồ đạc trong nhà đã cùng bạn nhỏ làm gì?  *=>GV chốt: Đồ vật trong nhà là những người bạn của chúng ta, nó mang lại rất nhiều lợi ích cho con người. Chính vì vậy các em cần biết yêu quý , bảo vệ và giữ gìn nó mỗi ngày.* 2. Luyện tập  Bài 1: Tìm 5 từ ngữ:  a) Chỉ đồ dùng gia đình  b) Chỉ đồ dùng học tập  c) Chỉ đồ chơi  - Yêu cầu HS đọc bài.  - Yêu cầu HS làm việc nhóm đôi tìm từ  - GV quan sát, nhắc nhở các nhóm  - GV mời đại diện nhóm báo cáo  - GV cùng HS theo dõi nhận xét  - GV nêu: Những từ ngữ ở 3 nhóm trên gọi chung là từ chỉ đồ vật.  + Các từ chỉ đồ vật các em vừa tìm được là những từ chỉ gì? Trả lời cho câu hỏi nào?  *=> GV chốt: Các từ chỉ đồ vật, trả lời cho câu hỏi Cái gì?*  Bài 2: Đặt 1 câu có sử dụng từ ngữ tìm được ở bài tập 1 để:  a) Giới thiệu về đồ vật đó  M: Ti vi là đồ vật dùng để xem tin tức và các chương trình giải trí.  b) Nhận xét về đồ vật đó  M: Chiếc cặp sách màu xanh da trời trông thật mát mắt.  - Yêu cầu HS đọc bài.  - Yêu cầu HS làm việc cá nhân.  - GV mời HS báo cáo  - GV ghi nhanh một số câu lên bảng  - GV và HS cùng nhận xét, lưu ý cách trình bày câu.  + Để giới thiệu về một đồ vật em đã sử dụng kiểu câu nào?  + Để nhận xét về một đồ vật em đã sử dụng kiểu câu nào?  - GV nhận xét, khen ngợi HS.  *=>GV chốt KT: Câu kiểu Ai là gì? dùng để giới thiệu về sự vật. Câu kiểu Ai thế nào? dùng để miêu tả đặc điểm, tính chất (hình dáng, màu sắc, mùi vị, kích thước,..) của sự vật.*  Bài 3: Hãy chọn một trong các đồ vật dưới đây và nói 3 – 4 câu giới thiệu về đồ vật đó theo gợi ý:  a) Đồ vật đó tên là gì?  b) Đồ vật đó có những bộ phận nào?  c) Đồ vật đó có đặc điểm gì nổi bật?  d) Đồ vật đó giúp ích gì cho em?   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | |  |  |  |  |   - Gọi HS đọc yêu cầu của bài.  - Yêu cầu HS quan sát các đồ vật, chọn đồ vật mình yêu thích.  - GV tổ chức cho HS làm việc nhóm 4  - GV quan sát, hỗ trợ các nhóm  - GV mời đại diện 4 nhóm báo cáo  - GV cùng HS theo dõi nhận xét phần trình bày của các bạn.  - GV khen ngợi nhóm có lời giới thiệu hay, giàu cảm xúc.  - Giáo dục HS biết tiết kiệm thời gian; yêu quý và bảo vệ các đồ vật.  3. Vận dụng  + Em hãy chia sẻ cách em giữ gìn đồ vật trong nhà.  - GV nhận xét, khen ngợi HS.  - Nhận xét tiết học. | - HS quan sát  - 2 -3 HS đọc to, lớp theo dõi  - HS cùng trao đổi theo yêu cầu  + Những đồ vật được nhắc đến trong bài thơ là: cái bàn; quạt nan; đồng hồ; ngọn đèn; tủ sách.  + Cái bàn kể chuyện; quạt nan mang gió đến; đồng hồ nhắc em ngày tháng; ngọn đèn thắp sang, …  + Đồ đạc trong nhà đã cùng bạn nhỏ trò chuyện như bạn thân.  - HS lắng nghe.  - HS đọc yêu cầu bài.  - HS làm việc nhóm đôi theo yêu cầu  - Đại diện một số nhóm, chia sẻ trước lớp:  + Từ chỉ đồ dùng gia đình: ti vi, tủ lạnh, máy giặt, giường, quạt trần, …  + Từ chỉ đồ dùng học tập: bàn ghế, bảng, cặp sách, thước kẻ, …  + Từ chỉ đồ chơi: quả bóng, búp bê, ô tô, rô bốt, …  - Các nhóm theo dõi, nhận xét, bổ sung  - HS lắng nghe.  + Đó là các từ chỉ sự vật, trả lời cho câu hỏi Cái gì?  - HS lắng nghe.  - HS đọc yêu cầu bài.  - HS làm bài cá nhân vào vở.  - HS nối tiếp chia sẻ trước lớp:  HS1: + Đồng hồ là đồ vật dùng để xem thời gian.  + Chiếc đồng hồ đeo tay màu vàng rất đẹp.  HS2: + Cái bút là người bạn thân thiết của em ở trường.  + Cái bút màu đỏ, thon gọn rất xinh xắn.  ….  - Lớp nhận xét, bổ sung.  + Sử dụng câu kiểu Ai là gì? để giới thiệu về một đồ vật.  + Sử dụng câu kiểu Ai thế nào? để nhận xét về một đồ vật.  - HS lắng nghe.  - HS đọc yêu cầu bài.  - HS quan sát, chọn đồ vật và hình thành nhóm có cùng sở thích.  - HS trao đổi trong nhóm 4 hoàn thành yêu cầu bài.  - Đại diện bốn nhóm tương ứng với 4 đồ vật, chỉ vào đồ vật và giới thiệu trước lớp, VD:  Xin chào các bạn! Nhóm tôi xin giới thiệu về chiếc đồng hồ báo thức. Chiếc đồng hồ có dạng hình tròn màu xanh, phía trên có hai cái tai màu vàng và một thanh kim loại nhỏ. Mặt đồng hồ màu xanh da trời, nổi bật với các chữ số nhìn thật bắt mắt. Trên mặt đồng hồ có ba kim dài ngắn, to nhỏ, di chuyển nhanh chậm khác nhau. Phía dưới có hai cái chân giúp nó luôn đứng vững. Chiếc đồng hồ giúp chúng ta luôn sinh hoạt và học tập đúng giờ.  - Các nhóm theo dõi, nhận xét cho nhóm bạn.  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe, thực hiện.  - HS nối tiếp chia sẻ trước lớp:  + Sử dụng đồ vật theo đúng hướng dẫn sử dụng.  + Sử dụng đồ vật một cách cẩn thận.  + Cất gọn đồ vật đúng nơi quy định khi không dùng đến.  + Thường xuyên lau chùi và theo dõi hoạt động của đồ vật. |

HĐ khởi động: có thể chơi trò chơi “Đố bạn”

GV hoặc HS có thể đưa ra các câu đố, thi xem ai giải được câu đố về đồ vật

1. Đồ vật có giây và bàn phím khi đánh phát ra tiếng nhạc.

2. Đồ vật để quét nhà, sân…

3. Da tôi màu trắng

Bạn cùng bảng đen

Hãy cầm tôi lên

Tôi làm theo bạn.

4. Ngăn nhỏ rồi lại ngăn to

Đựng vở, đựng bút, đựng kho sách đầy.

Tiếng Việt (Tăng)

Luyện tập về so sánh

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù

- Củng cố và khắc sâu cho HS về biện pháp nghệ thuật so sánh. Nhận biết từ so sánh trong các hình ảnh so sánh.

- Tìm được những sự vật được so sánh với nhau trong câu văn, câu thơ, điền thêm các từ chỉ sự vật để hoàn thiện câu có hình ảnh so sánh.

- Biết tác dụng của biện pháp so sánh.

- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

2. Năng lực chung

- Rèn KN tìm từ đúng, kĩ năng dùng từ đặt câu phù hợp yêu cầu cần đạt.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: tham gia thực hành trong nhóm.

3. Phẩm chất

- Giáo dục HS lòng yêu Tiếng Việt (thấy được cái hay, cái đẹp của Tiếng Việt qua biện pháp nghệ thuật so sánh ).

- Có ý thức quan sát, nhận xét sự vật xung quanh.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- Bảng phụ ghi nội dung (BT2,3); phiếu học tập (BT1).

- Máy chiếu, tivi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. Khởi động  Tìm các hình ảnh so sánh trong các đoạn thơ dưới đây: (GV chiếu trên tivi)    - GV mời HS nêu lại yêu cầu.  - GV mời 4 HS đọc nối tiếp 4 đoạn thơ  - GV tổ chức cho HS thi tìm nhanh các hình ảnh so sánh. Chia lớp thành các nhóm 4 và phát cho mỗi nhóm một bảng phụ để trình bày.  - GV mời đại diện các nhóm báo cáo  - Mời nhóm HS khác nhận xét.  - GV nhận xét, tuyên dương.  + Những sự vật được so sánh với nhau phải có điều kiện gì?  + Các hình ảnh so sánh đó có tác dụng gì?  *=> GV Chốt kiến thức:* *Hai sự vật có điểm tương đồng giống nhau sẽ được so sánh với nhau . Sử dụng hình ảnh so sánh làm cho câu văn thêm hay, sinh động hơn. Mỗi hình ảnh so sánh thường có 2 sự vật được so sánh với nhau.*  2. Luyện tập  Bài 1: Tìm các sự vật được so sánh với nhau và từ ngữ dùng để so sánh trong câu văn sau và hoàn thành bảng dưới đây:  a) Mỗi bông hoa phượng là một đốm lửa đỏ rực.  b) Từ xa nhìn lại, cây gạo sừng sững như một tháp đèn khổng lồ.  c) Mỗi cánh buồm nổi trên dòng sông nom cứ như là một con bướm nhỏ.  d) Chiếc nhãn vở tựa như một đám mây xinh xắn.  đ) Những đêm nào trăng khuyết  Trông giống con thuyền trôi.  e) Tán lá bàng xòe rộng như một chiếc dù khổng lồ.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Sự vật 1 | Từ so sánh | Sự vật 2 | |  |  |  |   - Yêu cầu HS đọc bài.  - GV phát cho mỗi cặp 1 phiếu học tập có ghi nội dung bài tập, yêu cầu HS trao đổi hoàn thành bài.  - GV quan sát, nhắc nhở các nhóm  - GV mời đại diện nhóm báo cáo  - GV cùng HS theo dõi nhận xét  + Chỉ ra điểm giống nhau của các sự vật trong từng cặp so sánh.  - GV nhận xét, tuyên dương HS.  *=>GV chốt: So sánh 2 sự vật với nhau phải dựa trên đặc điểm giống nhau nào đó.*  Bài 2: Đặt câu có hình ảnh so sánh dựa vào gợi ý:  *C:\Users\Viet\Desktop\1.jpg*  - Yêu cầu HS đọc bài.  - Yêu cầu HS làm việc cá nhân.  - GV mời HS báo cáo  - GV ghi nhanh một số câu lên bảng  - Nhận xét, khen ngợi HS.  + Em đã dùng từ so sánh nào để đặt câu so sánh hai hình ảnh tương đồng.  *=>GV chốt: Dùng các từ so sánh: là, như, như là; tựa như; giống như; ... để so sánh hai sự vật có điểm tương đồng giống nhau.*  Bài 3: Viết tiếp để được câu văn có hình ảnh so sánh:  a) Đôi mắt bé đen tròn như...........  b) Mặt trời đỏ rực như .................  c) Dòng sông tựa như ..................  d) Những tòa nhà cao tầng như............  e) Trưa hè, tiếng ve như.............  g) Những vì sao đêm.....những ngọn đèn nhấp nháy.  h) Mỗi ngày đến trường......một ngày vui.  - Yêu cầu HS đọc bài.  - GV yêu cầu HS trao đổi nhóm bàn hoàn thành bài.  - GV mời đại diện nhóm báo cáo  - GV cùng HS theo dõi nhận xét  *=>GV chốt: Khi viết câu văn so sánh, cần lưu ý sự vật được so sánh phải có đặc điểm nào đó giống nhau; trong câu phải có từ dùng để so sánh ( là, như, như là, tựa, tựa như, gần như, giống như, ...).*  3. Vận dụng  - GV cho HS chơi trờ chơi: Tìm nhanh những câu có hình ảnh so sánh  - GV nhận xét, khen ngợi HS.  - GV giao nhiệm vụ HS về nhà tìm đọc thêm những bài văn, bài thơ và ghi chép lại những câu văn có hình ảnh so sánh.  - Nhận xét, đánh giá tiết học. | - HS nêu lại.  - 4HS đọc, lớp theo dõi.  - HS hình thành nhóm, trao đổi và hoàn thành vào bảng phụ.  - Đại diện nhóm trình bày bài trên bảng.  - Các nhóm nhận xét chéo nhau.  Các hình ảnh so sánh:  + Khổ thơ 1: Tàu cau như tay xoè rộng, hứng mưa.  + Khổ thơ 2: Trăng tròn như cái đĩa  + Khổ thơ 3: Sương trắng viền quanh núi như một chiếc khăn bông.  + Khổ thơ 4: Lá cây mềm như mây  + Có đặc điểm nào đó giống nhau.  + Tác dụng của các hình ảnh so sánh:  Làm cho câu văn, câu thơ nêu đặc điểm, miêu tả người, sự vật... cụ thể hơn, sinh động hơn, dễ cảm nhận hơn. Hình ảnh so sánh cũng giúp cho câu văn, câu thơ hay hơn, dễ hiểu hơn.  - HS đọc yêu cầu bài.  - HS làm việc nhóm đôi theo yêu cầu vào phiếu học tập.  - Đại diện một số nhóm, chia sẻ trước lớp:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Sự vật 1 | Từ SS | Sự vật 2 | | Bông hoa  phượng | là | đốm lửa  đỏ rực | | Cây gạo | như | tháp đèn | | Cánh buồm | như | Con bướm nhỏ | | Chiếc nhãn vở | tựa như | đám mây  xinh xắn | | Trăng khuyết | giống | con thuyền | | Tán lá bàng | như | chiếc dù |   - Các nhóm theo dõi, nhận xét, bổ sung  + HS nối tiếp chia sẻ  - HS lắng nghe.  - HS đọc yêu cầu bài.  - HS làm bài cá nhân vào vở.  - HS nối tiếp chia sẻ trước lớp:  + Vầng trăng khuyết tựa như một cách diều trắng bay lượn trên bầu trời.  + Chiếc lá trầu bà có hình giống như một hình trái tim.  - Lớp nhận xét.  + Từ so sánh là: tựa như; giống như; như là; …  - HS lắng nghe.  - HS đọc yêu cầu bài.  - HS làm bài theo cặp vào vở.  - Đại diện HS nối tiếp chia sẻ trước lớp:  a) Đôi mắt bé đen tròn như hạt nhãn.  b) Mặt trời đỏ rực như lửa cháy.  c) Dòng sông tựa như một dải lụa mềm.  d) Những tòa nhà cao tầng như những tòa lâu đài trong truyện cổ tích.  e) Trưa hè, tiếng ve như tiếng nhạc.  g) Những vì sao đêm giống như những ngọn đèn nhấp nháy.  h) Mỗi ngày đến trường là một ngày vui.  - Lớp nhận xét, đối chiếu bài.  - HS lắng nghe, ghi nhớ.  - HS thi đua nêu các câu có hình ảnh so sánh, VD:  + Trăng tròn như cái đĩa.  + Con cuốn chiếu cuộn tròn người lại như một chiếc cúc.  + Mùa lúa chín, cánh đồng trông như một tấm thảm vàng rực.  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe, về nhà thực hiện. |

*\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*

Tiếng Việt ( Tăng)

Luyện tập: Kể về việc làm chăm sóc bản thân của em

I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù

- Viết được đoạn văn kể về việc làm chăm sóc bản thân. Đoạn văn mắc ít lỗi chính tả, ngữ pháp, đoạn văn khoảng 7 - 8 câu.

- Phát triển năng lực văn học: Viết được đoạn văn có hình ảnh, cảm xúc.

2. Năng lực chung

- Lắng nghe, tích cực luyện tập, trình bày đúng.

- Biết nhận xét, trao đổi về cách viết của bạn.

3. Phẩm chất

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ, tự giác viết bài.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức giữ gìn vệ sinh và phòng chống thương tích cho thân thể khỏe mạnh.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- Bảng phụ ghi gợi ý.

- Máy chiếu, tivi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Khởi động:  - GV mở bài hát “Bảo vệ bản thân”.  + Cho HS lắng nghe bài hát.  + Cùng trao đổi nội dung bài hát với HS.  - Nhận xét, giới thiệu bài.  2. Luyện tập:  *Đề bài: Hằng ngày em đã làm rất nhiều việc để chăm sóc bản thân mình. Em hãy viết đoạn văn kể về một việc em đã làm để chăm sóc bản thân của em.*  Bước 1: Chuẩn bị viết bài  - GV mời HS đọc yêu cầu bài.  + Bài yêu cầu các em viết về chuyện gì?  + Chia sẻ những việc em đã làm để chăm sóc bản thân em.  - GV nhận xét, khen ngợi HS. Nhắc HS hãy kể lại cụ thể một trong các việc đó theo gợi ý sau:  *+ Giới thiệu việc em đã làm để chăm sóc bản thân.*  *+ Em làm việc đó như thế nào?*  *+ Việc làm đó mang lại lợi ích gì cho bản thân em?*  *+ Nêu cảm xúc của em khi làm việc đó?*  - GV chiếu gợi ý, gọi HS đọc  - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm đôi, nói về việc em đã làm để chăm sóc bản thân theo gợi ý.  - GV mời 2-3 HS nói trước lớp.  - GV cùng HS nhận xét, đánh giá  Bước 2: Viết đoạn văn  - GV yêu cầu HS viết vào vở ô li.  - GV theo dõi, giúp đỡ các em viết bài.  Bước 3: Trình bày đoạn văn.  - GV tổ chức cho HS đọc và chữa bài cho nhau.  - GV mời một số HS đọc kết quả bài làm của mình trước lớp.  - GV hướng dẫn HS nhận xét bài của bạn về cách dùng từ, sắp xếp ý, cách trình bày đoạn văn.  - GV thu một số bài đánh giá và nhận xét sửa những lỗi chung HS thường mắc phải.  - GV khen ngợi những đoạn viết thú vị, trôi chảy, có cảm xúc.  3. Vận dụng  - Em biết thêm được điều gì qua bài viết của các bạn?  - GV nhận xét, khen ngợi HS. Giáo dục HS biết yêu quý bản thân, có ý thức thức giữ gìn vệ sinh và phòng chống thương tích cho thân thể luôn khỏe mạnh.  - Nhận xét tiết học. | - HS lắng nghe bài hát.  - Cùng trao đổi với GV về nhận xét của mình về nội dung bài hát.  - 1-2 HS đọc yêu cầu bài.  + Viết về việc đã làm để chăm sóc bản thân.  - HS nối tiếp chia sẻ trước lớp:  + Giữ gìn vệ sinh sạch sẽ.  + Tắm rửa thay quần áo sạch sẽ hàng ngày.  + Đánh răng, rửa mặt, gội đầu.  + Ăn đúng giờ, ngủ đúng giấc.  - HS lắng nghe.  - 1HS đọc to, lớp theo dõi  - HS thảo luận theo nhóm đôi.  - Một vài HS trình bày trước lớp,VD:  Mỗi ngày em đều thức dậy thật sớm và tập thể dục cùng bố. Luôn ăn đúng giờ, ngủ đúng giấc. Đặc biệt không bỏ bữa sáng và rất thích ăn rau xanh. Buổi chiều sau khi tan học em lại chơi đá bóng cùng các bạn trong xóm. Nhờ vậy cơ thể em luôn khỏe mạnh, vui vẻ, tràn ngập năng lượng giúp em học tập và vui chơi thật thoải mái.  - HS lắng nghe, đánh giá.  - HS viết bài cá nhân vào vở ôli.  - HS đọc và chữa bài cho nhau trong nhóm 4.  - Vài HS đọc bài viết của mình trước lớp.  - HS khác nhận xét.  - HS nộp vở để GV kiểm tra, đánh giá.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.  - HS chia sẻ  - HS lắng nghe, thực hiện. |

*Đoạn văn tham khảo*

Để có một hàm răng trắng khỏe, hằng em đã luôn chú ý quan tâm chăm sóc răng miệng của mình. Mỗi ngày khi tỉnh dậy và trước khi đi ngủ em đều đánh răng đều đặn. Ngoài ra em còn sử dụng thêm nước súc miệng để răng miệng mình được sạch sẽ thơm tho hơn. Em cũng hạn chế không ăn nhiều bánh kẹo đặc biệt không ăn bánh kẹo vào buổi tối. Chính sự chăm chỉ mỗi ngày đều đặn vệ sinh răng miệng mà em đã có những chiếc răng trắng xinh, chắc khỏe. Em rất vui khi được mọi người khen ngợi hàm răng của mình.